

Bản án số: 113/2019/HS-ST
Ngày 30-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Diên;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn P, sinh năm 1985; tại tỉnh Trà Vinh; hộ khẩu thường trú: Ấp LH 2, xã HM, huyện CT, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th (đã chết) và bà Bùi Thị B (đã chết); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/5/2019, đến nay (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Lưu D, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố KT, phường TPK, thị xã M, tỉnh Bình Dương (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố ĐT, phường TĐH, thị xã A, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn P là em vợ cũ (đã ly hôn) của ông Nguyễn Lưu D. Khoảng 18 giờ ngày 31/01/2019, P đến phòng trọ của ông D ở xã TVH, thị xã M chơi và ngủ lại qua đêm. Sáng ngày 01/02/2019, ông D đi làm, P ở lại phòng trọ của ông

D. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, ông D đi làm về và tổ chức uống bia với P tại phòng trọ. Đến khoảng 19 giờ, P hỏi mượn xe mô tô của ông D để đi công việc và hứa sẽ trả lại sau. Ông D đồng ý và giao xe Wave Alpha màu đen biển số 61E1-08174 cho P. Sau khi mượn xe mô tô của ông D, P điều khiển xe đến nhà bạn ở phường TĐH, thị xã A chơi và ngủ lại mà không mang xe trả cho ông D. Sau đó, do không có tiền tiêu xài nên P nảy sinh ý định mang xe đi cầm cố. Thực hiện ý định, ngày 03/02/2019, P mang xe đến tiệm cầm đồ TY 2 ở phường TĐH, thị xã A do bà Lê Thị M làm chủ để cầm cố được 7.000.000 đồng. Khi nhận cầm xe, bà M không biết xe này do P phạm tội mà có vì P cho bà M xem Giấy chứng minh nhân dân của P, Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Lưu D (để sẵn trong cốp xe) và nói rằng xe này do P mua lại nhưng chưa sang tên.

Sau khi cho mượn xe, đến hẹn không thấy P trả xe và không liên lạc được với P nên ngày 10/02/2019 ông D đến cơ quan Công an trình báo.

Đến ngày 28/02/2019, do hết tiền tiêu xài nên P trở lại tiệm cầm đồ và đề nghị bán xe nhưng bà M không mua do P không phải là người đứng tên sở hữu. Khi đó, có người đàn ông (không rõ lai lịch) đến hỏi mua xe. P đã thỏa thuận bán xe cho người này với giá 8.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P trả cho bà M 7.200.000 đồng (bao gồm 7.000.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi) để lấy xe ra và giao cho người đàn ông này. Số tiền 800.000 đồng còn lại, P tiêu xài cá nhân. Đến ngày 03/3/2019, P đến Cơ quan Công an trình báo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận định giá số 87/KLTS-TTHS ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá xác định xe mô tô Wave alpha, màu đen, biển số 61E1-08174 tại thời điểm chiếm đoạt có giá 9.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn Lưu D yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

Đối với bà Lê Thị M là chủ tiệm cầm đồ TY 2 nhận cầm cố xe mô tô từ Lê Văn P nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, không biết việc mua bán xe giữa P và người đàn ông (không rõ lai lịch) nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch) đã mua xe mô tô từ P do không xác định được nhân thân nên Cơ quan Điều tra sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 sổ hộ khẩu của Lê Văn P tên chủ hộ Phan Thị T, 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn P và 01 Sổ bảo hiểm xã hội tên Lê Văn P.

Tại bản Cáo trạng số 114/CT-VKS ngày 23/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M quyết định: Truy tố bị can Lê Văn P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có. Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Lưu D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn P, đồng thời không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Lưu D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến đầy đủ và không có yêu cầu khác nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Quan điểm giải quyết vụ án: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo P có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có văn bản trình bày ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 38; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân và Sổ bảo hiểm xã hội là giấy tờ cá nhân của bị cáo không liên quan đến tội phạm, đề nghị hoàn trả cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bà Lê Thị Mây không biết xe mô tô bị cáo đem cầm cố là tài sản do bị cáo phạm tội mà có và không liên quan đến việc bị cáo bán xe cho người thứ ba nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với người đàn ông đã mua xe từ bị cáo, do không rõ lai lịch, Cơ quan Điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau là đúng quy định.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, quá trình

điều tra, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có văn bản trình bày ý kiến đầy đủ. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/02/2019, bị cáo Lê Văn P đã có hành vi mượn xe mô tô Wave Alpha của bị hại ông Nguyễn Lưu D để sử dụng, sau đó cầm cố và bán lấy tiền tiêu xài. Giá trị tài sản khi bị chiếm đoạt theo kết luận định giá là 9.100.000 đồng (chín triệu một trăm nghìn đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M truy tố bị cáo Lê Văn P với tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chủ động đến Cơ quan Công an để trình báo khai nhận hành vi phạm tội; bị hại có văn bản trình bày ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả, xem thường pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân có ích. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Ngày 30/8/2019, bị hại có văn bản trình bày ý kiến không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bị hại, không trái quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét vấn đề bồi thường.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân và sổ bảo hiểm xã hội của bị cáo Lê Văn P là giấy tờ cá nhân không liên quan đến tội phạm nên hoàn trả cho bị cáo.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp. Tuy nhiên, việc bị cáo đến Cơ quan Công an trình báo và khai rõ hành vi phạm tội cũng được xem là đầu thú theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được Kiểm sát viên xem xét áp dụng cho bị cáo là chưa toàn diện.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 38; khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn P: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn P số 334252010; 01 Sổ hộ khẩu gia đình tên Phan Thị T số 151; 01 Sổ bảo hiểm xã hội tên Lê Văn P, mã số 7410256622.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Lê Văn P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (1)
- VKSND thị xã Tân Uyên; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã M; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã M; (2)
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Nga